

Bản án số: 64/2023/DS-ST
Ngày: 03-7-2023
V/v “*tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Văn Trai.
2/. Ông Đoàn Trung Thống.

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Cẩm Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2023/QĐXXST-DS, ngày 31/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện L.
Trụ sở: Tòa nhà L, đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội .
Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: ông Nguyễn Thanh P, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Trà Vinh theo Quyết định số: 337/2020/QĐ-HĐQT, ngày 24/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bưu điện L theo Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGD, ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện L.

Người đại diện cho ông Nguyễn Thanh P là ông Phan Dương Minh T – Chuyên viên xử lý nợ theo Quyết định ủy quyền V/v: Ủy quyền tham gia tố tụng số: 285/2023/QĐ-L.CNTV, ngày 17/4/2023.

Địa chỉ chi nhánh: Đường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xét xử vắng mặt).

Bị đơn: 1/. Ông Đoàn Quốc V, sinh 1969 (vắng mặt).
2/. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản khai và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Bưu điện L là nguyên đơn trình bày: Ngày 30/11/2020 Ngân hàng TMCP Bưu điện L Chi nhánh Trà Vinh đã ký hợp đồng tín dụng số

HDTD53B2020515 với ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Thị P số tiền vay là 100.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng (mua sắm đồ gia dụng), phương thức cho vay từng lần, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay (ngày ký trên khế ước nhận nợ), gốc được trả định kỳ hàng tháng, nợ lãi trả vào ngày 10 hàng tháng áp dụng lãi suất cố định được tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu trong suốt thời hạn cho vay. Ngân hàng TMCP Bưu điện L Chi nhánh Trà Vinh đã giải ngân cho khách hàng với dư nợ cao nhất là 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số HDTD53B2020515 ngày 30/11/2020. Dư nợ hiện tại 58.199.955 đồng, kỳ hạn trả nợ gốc, thời gian ân hạn: Gốc được trả trong 48 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, từ kỳ 01 đến kỳ 47 trả 2.090.000 đồng/kỳ vào ngày 10 hàng tháng, kỳ cuối trả 1.770.000 đồng vào ngày đáo hạn, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/01/2021, kỳ hạn trả lãi: Lãi được trả hàng tháng theo kỳ trả nợ gốc, ngày chuyển nợ: Ngày 20/9/2022 từ nợ nhóm 1 chuyển sang nợ nhóm 2. Trong suốt thời gian qua (từ ngày 20/9/2022 đến nay) Ngân hàng đã nhiều lần đề nghị bằng văn bản yêu cầu bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký. Tuy nhiên, đến nay bên vay vốn không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vay cho ngân hàng.

Nay đại diện Ngân hàng TMCP Bưu điện L yêu cầu ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Thị P trả tổng số tiền tính đến ngày 03/7/2023 là 68.892.038 đồng (trong đó vốn gốc là 58.199.955 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.957.628 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.734.455 đồng. Kể từ ngày 04/7/2023 ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Thị P phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HDTD53B2020515 ngày 30/11/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Thị P vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Thị P vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay ông Phan Dương Minh T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP bưu điện L là nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Thị P là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể không có mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và

hòa giải do Tòa án triệu tập.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện L.

Buộc ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L tổng số tiền tính đến ngày 03/7/2023 là 68.892.038 đồng (trong đó vốn gốc 58.199.955 đồng, nợ lãi trong hạn 8.957.628 đồng, nợ lãi quá hạn 1.734.455 đồng).

“Kể từ ngày 04/7/2023 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định trừ trường hợp không phải nộp, miễn nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay ông Phan Dương Minh T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP bưu điện L là nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Thị P là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Bưu điện L: Vào ngày 30/11/2020 Ngân hàng TMCP Bưu điện L Chi nhánh Trà Vinh đã ký hợp đồng tín dụng số HDTD53B2020515 với ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Thị P số tiền vay là 100.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng (mua sắm đồ gia dụng), phương thức cho vay từng lần, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay (ngày ký trên khế ước nhận nợ), gốc được trả định kỳ hàng tháng, nợ lãi trả vào ngày 10 hàng tháng áp dụng lãi suất cố định được tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu trong suốt thời hạn cho vay. Ngân hàng TMCP Bưu điện L Chi nhánh Trà Vinh đã giải ngân cho khách hàng với dư nợ cao nhất là 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số HDTD53B2020515 ngày 30/11/2020. Dư

nợ hiện tại 58.199.955 đồng, kỳ hạn trả nợ gốc, thời gian ân hạn: Gốc được trả trong 48 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, từ kỳ 01 đến kỳ 47 trả 2.090.000 đồng/kỳ vào ngày 10 hàng tháng, kỳ cuối trả 1.770.000 đồng vào ngày đáo hạn, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/01/2021, kỳ hạn trả lãi: Lãi được trả hàng tháng theo kỳ trả nợ gốc, ngày chuyển nợ: Ngày 20/9/2022 từ nợ nhóm 1 chuyển sang nợ nhóm 2. Trong quá trình vay ông V, bà P đã trả được 41.800.016 đồng vốn gốc và 16.932.783 đồng tiền lãi, còn thiếu lại số tiền tính đến ngày 03/7/2023 là 68.892.038 đồng (trong đó vốn gốc 58.199.955 đồng, nợ lãi trong hạn 8.957.628 đồng, nợ lãi quá hạn 1.734.455 đồng). Như vậy, việc ông V, bà P vay tiền và trả tiền vay cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L là có thật.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thu thập cung cấp giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Ngân hàng TMCP Bưu điện L đã cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là ông T, bà P có vay tiền Ngân hàng thể hiện theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD53B2020515 ký ngày 30/11/2020 với số tiền 100.000.000 đồng, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ và đã trả hàng tháng theo thuận trong hợp đồng tín dụng được số tiền 41.800.016 đồng vốn gốc và 16.932.783 đồng tiền lãi.

Xét thấy đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi suất, khi đến hạn trả nợ, ông V, bà P không trả hết số tiền gốc và số tiền lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay.

Từ những cơ sở nêu trên, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Bưu điện L, buộc ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L tổng số tiền tính đến ngày 03/7/2023 là 68.892.038 đồng (trong đó vốn gốc 58.199.955 đồng, nợ lãi trong hạn 8.957.628 đồng, nợ lãi quá hạn 1.734.455 đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, Ngân hàng không phải chịu án phí và sẽ được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện L.

Buộc ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L tổng số tiền tính đến ngày 03/7/2023 là 68.892.038 đồng (trong đó vốn gốc 58.199.955 đồng, nợ lãi trong hạn 8.957.628 đồng, nợ lãi quá hạn 1.734.455 đồng).

“Kể từ ngày 04/7/2023 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Thị P phải nộp 3.445.000 đồng. Ngân hàng TMCP Bưu điện L không phải nộp án phí.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L 1.510.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0013845, ngày 24/3/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

Lê Thị Trúc Linh